

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH DOANH VÀ CÔNG NGHỆ HÀ NỘI
KHOA TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG

----->✧<-----

GIÁO TRÌNH

NGHIỆP VỤ NGÂN HÀNG TRUNG ƯƠNG

Hà Nội — 2008

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. David Cox: Nghiệp vụ ngân hàng hiện đại, NXB Chính trị Quốc gia 1997
2. TS. Tô Ngọc Hưng – Nghiệp vụ kinh doanh ngân hàng – Học viện ngân hàng, NXB Thống kê 2000.
3. PGS.TS Nguyễn Thị Mùi – Nghiệp vụ Ngân hàng thương mại Học viện tài chính , NXB tài chính 2005.
4. PGS.TS Nguyễn Duệ – Giáo trình nghiệp vụ Ngân hàng TW – Học viện ngân hàng, NXB Thống kê 2003
5. PGS.TS Lê Văn Tê – Nghiệp vụ NHTM – NXB Thống kê 2003
6. Frederic S.Mishkin – Tiền tệ Ngân hàng và thị trường tài chính – NXB Khoa học và kỹ thuật Hà Nội 1994.
7. TS. Nguyễn Văn Tiến – Cẩm nang thị trường ngoại hối và các dao động kinh doanh ngoại hối – NXB 2004
8. PGS.TS Nguyễn Văn Tiến - Tài chính quốc tế hiện đại trong nền kinh tế hiện đại – NXB Thống kê 2005
9. TS. Hoàng Xuân Quế - Đại học kinh tế Quốc dân – Nghiệp vụ ngân hàng TW, NXB Thống kê 2005
10. TS. Nguyễn Văn Tiến – Học viện Ngân hàng - Đánh giá phòng ngừa rủi ro trong kinh doanh ngân hàng, NXB Thống kê 2003
11. TS.Lê Thị Xuân – Học viện Ngân hàng – Giáo trình phân tích hoạt động kinh doanh, NXB Thống kê 2005
12. TS. Nguyễn Thị Minh Hiền – Học viện Ngân hàng – Giáo trình Marketing ngân hàng, NXB thống kê 2005
13. Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 1 năm 1997/QH10 ngày 12/12/1997 và sửa đổi năm 2003.
14. Luật các tổ chức tín dụng số 2 năm 1997/QH10 ngày 12/12/1997 và bản sửa năm 2004
15. Nghị định 178/1999/NĐ-CP ngày 29/12/1999 và Nghị định 85/2002/NĐ-CP ngày 25/10/2002 của Chính phủ về đảm bảo tiền vay của các tổ chức tín dụng.
16. Nghị định số 16/2001/NĐ-CP ngày 2/5/2001 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Công ty cho thuê tài chính.
17. Nghị định 08/2000/NĐ-CP ngày 10/3/2000 của Chính phủ về đăng ký giao dịch đảm bảo.
18. Nghị định 64/2001/NĐ-CP ngày 29/9/2001 về hoạt động thanh toán của các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán.
19. Quyết định 2003/QĐ-NHNN quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc ban hành quy chế dự trữ bắt buộc đối với các tổ chức tín dụng.
20. Số 45/2003/QĐ-NHNN quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc ban hành quy trình kỹ thuật nghiệp vụ thanh toán bù trừ điện tử liên ngân hàng.
21. Các quyết định, thông tư hướng dẫn khác của ngân hàng Nhà nước về các hoạt động thanh toán, tín dụng, ngân hàng.

LỜI NÓI ĐẦU

Giáo trình nghiệp vụ Ngân hàng Trung Ương được biên soạn nhằm đáp ứng nhu cầu giảng dạy của giảng viên và học tập của sinh viên khoa Tài chính – Ngân hàng Trường Đại học Công nghệ và Kinh doanh Hà Nội.

Giáo trình gồm 4 chương; được biên soạn trong mối liên hệ với các môn học thuộc chương trình ngành Tài chính - Ngân hàng của trường đã thể hiện đầy đủ những nghiệp vụ cơ bản của Ngân hàng Trung Ương. Giáo trình đã được Hội đồng khoa học nhà trường nghiệm thu.

Giáo trình do tập thể tác giả biên soạn gồm:

- PGS.TS Mai Văn Bạ: Chủ biên
- PGS.TS Lê Hoàng Nga: Biên soạn chương 1
- TS Nguyễn Ngọc Bảo: Biên soạn chương 2
- TS Nguyễn Ngọc Thủy Tiên: Biên soạn chương 3
- TS Vũ Thị Lợi: Biên soạn chương 4

Tuy nhiên, nghiệp vụ NHTW ngày càng phát triển phong phú, tập thể tác giả biên soạn chưa lường hết được. Do đó, giáo trình không tránh khỏi những hạn chế. Rất mong nhận được sự đóng góp chân thành của bạn đọc để giáo trình được hoàn thiện hơn khi tái bản.

BẢNG CHỮ VIẾT TẮT

1.	NHNN	: Ngân hàng Nhà nước
2.	NHTW (NHTU)	: Ngân hàng trung ương
3.	IMF	: Quỹ tiền tệ quốc tế
4.	TK	: Tài khoản
5.	NH	: Ngân hàng
6.	MB	: Tiền ngân hàng trung ương
7.	GDP	: Tổng sản phẩm quốc nội
8.	TW	: Trung ương
9.	TCTD	: Tổ chức tín dụng
10.	NHTM	: Ngân hàng thương mại
11.	NHNo và PTNT	: Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn
12.	QĐ	: Quyết định
13.	Ủy ban BASLE	: Ủy ban giám sát hoạt động ngân hàng của quốc tế
14.	HĐQT	: Hội đồng quản trị
15.	TSN	: Tài sản nợ
16.	TSC	: Tài sản có
17.	SH	: Sở hữu

MỤC LỤC

Trang

Chương 1:

NGHIỆP VỤ PHÁT HÀNH TIỀN VÀ QUẢN LÝ NGOẠI HỐI	7
1.1. Nghiệp vụ phát hành tiền	7
1.1.1. Nguyên tắc và các kênh phát hành tiền	7
1.1.2. Nội dung nghiệp vụ phát hành tiền	11
1.2. Nghiệp vụ quản lý ngoại hối	19
1.2.1. Khái niệm về ngoại hối	19
1.2.2. Hoạt động và chính sách ngoại hối của NHTW	20

Chương 2:

NGHIỆP VỤ TD, BẢO LÃNH VÀ THANH TOÁN CỦA NHTW	30
2.1. Nghiệp vụ TD của NHTW	30
2.1.1. Mục đích	30
2.1.2. Nguyên tắc TD	30
2.1.3. Nội dung hoạt động TD của NHTW	31
2.2. Nghiệp vụ bảo lãnh của NHTW	39
2.3. Nghiệp vụ thanh toán của NHTW	44

Chương 3:

NGHIỆP VỤ THỊ TRƯỜNG MỞ CỦA NHTW	61
3.1. Cơ chế và qui định hoạt động của thị trường mở	61
3.1.1. Khái niệm nghiệp vụ thị trường mở và cơ chế hoạt động	61
3.1.2. Hàng hoá và thành viên tham gia	62
3.2. Hình thức giao dịch trên thị trường mở	67
3.2.1. Các giao dịch có hoàn lại(hay còn gọi là giao dịch có kỳ hạn)	67
3.3. Phương thức hoạt động của nghiệp vụ thị trường mở	68
3.3.1. Giao dịch song phương	68
3.4. Những ưu và nhược điểm của thị trường mở	72

	<i>Trang</i>
3.4.1.Những ưu điểm	72
3.4.2.Hạn chế của nghiệp vụ thị trường mở	72
Chương 4:	
THANH TRA CỦA NHTW VÀ KIỂM SOÁT NỘI BỘ	75
4.1. Thanh tra giám sát của NHTW	75
4.1.1. Mục đích, đối tượng thanh tra	75
4.1.2. Nhiệm vụ, quyền hạn của thanh tra NHTW	76
4.1.3. Các điều kiện và qui định về hoạt động thanh tra	77
4.1.4. Phương pháp thanh tra	82
4.2. Kiểm soát nội bộ	111
4.2.1. Mục đích và hệ thống tổ chức kiểm soát nội bộ	111
4.2.2. Phân loại kiểm soát	112
4.2.3. Nội dung và phương pháp kiểm soát	115
4.3. Kiểm soát hoạt động quá trình thực hiện chức năng của các đơn vị	127

CHƯƠNG 1

NGHIỆP VỤ PHÁT HÀNH TIỀN VÀ QUẢN LÝ NGOẠI HỐI

1.1. NGHIỆP VỤ PHÁT HÀNH TIỀN

1.1.1. Nguyên tắc và các kênh phát hành tiền

1.1.1.1. Nguyên tắc phát hành tiền

Ng nghiệp vụ phát hành giấy bạc ngân hàng lúc đầu do từng ngân hàng thương mại thực hiện dưới dạng chứng thư hay kỳ phiếu thay cho tiền vàng và có cơ sở đảm bảo bằng vàng, có khả năng chuyển đổi ra vàng. Kỳ phiếu ngân hàng lúc này mang tính tư nhân, sau đó được tập trung vào ngân hàng thương mại lớn nhất chiếm vị trí độc quyền phát hành giấy bạc ngân hàng trong từng quốc gia. Vào thế kỷ 19, một số nước đã hình thành ngân hàng phát hành. Các ngân hàng này được Chính phủ ưu tiên quyền phát hành tiền và thực hiện một phần chức năng Ngân hàng Trung ương. Đầu thế kỷ 20, Ngân hàng Trung ương đã trở thành cơ quan độc quyền phát hành tiền trong một quốc gia. Khi đó, trong lưu thông chỉ có duy nhất giấy bạc ngân hàng và tiền đúc bằng kim loại do Ngân hàng Trung ương phát hành.

Quá trình phát hành tiền gắn liền với sự phát triển của nền kinh tế, của hệ thống ngân hàng và phụ thuộc vào sự ra đời, phát triển của Ngân hàng Trung ương. Ngân hàng Trung ương có nhiệm vụ phát hành tiền và đảm bảo lưu thông tiền tệ ổn định. Để làm được điều đó Ngân hàng Trung ương phải ban hành các nguyên tắc, quy chế, quy trình kỹ thuật nghiệp vụ cần phải tuân thủ khi đưa một khối lượng tiền vào lưu thông, nhằm thoả mãn nhu cầu sản xuất, lưu thông hàng hoá và dịch vụ, góp phần thúc đẩy kinh tế phát triển.

Để đưa một lượng tiền vào lưu thông, trước hết Ngân hàng Trung ương phải xác định được số lượng tiền cần phát hành bằng cách dựa vào các cơ sở khoa học để dự đoán, dự báo sự thay đổi các yếu tố làm ảnh hưởng đến lượng tiền cung ứng, từ đó lựa chọn được các số liệu tương đối phù hợp làm căn cứ để xác định lượng tiền cần phát hành trong một thời kỳ nhất định.

- Nguyên tắc phát hành tiền dựa trên cơ sở có đảm bảo bằng vàng

Nguyên tắc này quy định khối lượng giấy bạc ngân hàng phát hành vào lưu thông phải được đảm bảo bằng dự trữ vàng hiện có trong kho dự trữ của ngân hàng. Nguyên tắc này được NHTW thực hiện vào thời kỳ trước thế kỷ 20 và thực hiện theo một trong các hình thức sau:

+ Nhà nước quy định một hạn mức phát hành giấy bạc ngân hàng: Nếu khối lượng giấy bạc ngân hàng phát hành nằm trong hạn mức thì không cần phải có kim loại quý (vàng) làm đảm bảo, nhưng nếu vượt quá hạn mức đó thì khối lượng phát hành vượt hạn mức đòi hỏi phải có 100% vàng làm đảm bảo.

+ Nhà nước quy định mức tối đa lượng giấy bạc trong lưu thông mà không quy định mức dự trữ vàng đảm bảo cho lượng giấy bạc đó, nhưng nếu phát hành giấy bạc vượt quá mức quy định đó thì phải có vàng làm đảm bảo. Ví dụ: ở nước Anh vào tháng 9 năm 1939 quy định chỉ được phát hành tối đa giấy bạc Bảng Anh là 58 triệu bảng.

+ Nhà nước quy định mức dự trữ vàng tối thiểu cho khối lượng giấy bạc phát hành, phần còn lại phải được đảm bảo bằng các chứng từ có giá như thương phiếu, chứng khoán Chính phủ và các tài sản Có khác của Ngân hàng Trung ương.

Ví dụ: Năm 1913 Chính phủ Hoa Kỳ quy định tỷ lệ 40% dự trữ vàng cho khối lượng giấy bạc ngân hàng phát hành. Luật Ngân hàng năm 1844 của Anh cho phép Ngân hàng Trung ương Anh phát hành tiền tín dụng được đảm bảo bằng chứng khoán của Chính phủ và tạo ra một khoản tiền tín dụng là 14 triệu bảng Anh, nếu phát hành vượt con số đó thì phần vượt thêm phải được đảm bảo bằng số lượng vàng, bạc tương đương giá trị gửi tại quỹ đảm bảo của Nhà nước. Tại miền nam Việt Nam, Chính phủ ngụy quyền Sài Gòn vào năm 1955 đã qui định dự trữ vàng cho khối lượng tiền phát hành vào lưu thông là 33%.

Tất cả các quy định trên được NHTƯ các nước áp dụng linh hoạt trong từng thời gian cụ thể nhằm đảm bảo ổn định tiền tệ và thoả mãn nhu cầu tiền của nền kinh tế.

Việc đảm bảo bằng khối lượng vàng dự trữ của Ngân hàng Trung ương nhằm:

- Khống chế mức phát hành giấy bạc ngân hàng tăng giảm theo khối lượng dự trữ kim loại hiện có, tránh lạm dụng quyền phát hành tiền vượt quá nhu cầu của nền kinh tế, để gây ra lạm phát.

- Làm cơ sở chuyển đổi giấy bạc ngân hàng ra vàng; thông qua chuyển đổi mà điều tiết lượng giấy bạc trong lưu thông phù hợp với giá trị mà nó thay thế, đảm bảo giá trị danh nghĩa (mệnh giá) của giấy bạc phù hợp với giá trị thực tế (vàng) mà nó đại diện. Ví dụ: Hoa kỳ cho phép đổi giấy bạc đôla ra vàng không hạn chế trước năm 1893, Ngân hàng Anh năm 1916 quy định đổi 389 bảng/ ounce chuẩn với độ nguyên chất là 11/12). Sau Chiến tranh Thế giới thứ nhất (năm 1925), Anh đã áp dụng chế độ bản vị vàng thoi, một thoi vàng nặng 400 ounce vàng với giá xấp xỉ 1.700 GBP và đến năm 1931 Bảng Anh không có khả năng chuyển đổi ra vàng nữa.

Nguyên tắc này đặt sự ổn định của lưu thông giấy bạc ngân hàng phụ thuộc vào dự trữ vàng. Khi luân chuyển hàng hoá tăng lên so với số lượng vàng dự trữ có hạn thì lưu thông dễ bị rối loạn. Sau khủng hoảng kinh tế thế giới 1929-1933, chế độ bản vị vàng sụp đổ, các nước lần lượt xoá bỏ mối quan hệ giữa vàng và khối lượng giấy bạc ngân hàng phát hành. Năm 1971, Mỹ là nước cuối cùng tuyên bố xoá bỏ quan hệ giữa USD với vàng. Năm 1976 tại Jamaica, hội nghị các nước thuộc Quỹ tiền tệ quốc tế đã chính thức xác nhận việc xoá bỏ mối quan hệ giữa vàng và giấy bạc ngân hàng của các nước.

- Nguyên tắc phát hành tiền có đảm bảo bằng hàng hoá, dịch vụ

Sau cuộc khủng hoảng kinh tế 1929-1933 và đại chiến thế giới lần thứ II, nguyên tắc phát hành tiền dựa vào dự trữ vàng gần như chấm dứt. Để lưu thông tiền tệ ổn định, NHTW đưa ra nguyên tắc phát hành tiền được đảm bảo bằng giá trị hàng hoá, điều này cũng dựa trên nhận thức mới về tiền, đó là phi tiền tệ hoá vai trò của vàng được IMF thực hiện khá triệt để.

Theo nguyên tắc này, khối lượng tiền trong lưu thông được đảm bảo bằng hàng hoá, dịch vụ thông qua các chứng khoán của Chính phủ hoặc các giấy nhận nợ được phát hành từ các doanh nghiệp, các khoản ký gửi đảm bảo dưới dạng vàng, ngoại tệ, tín phiếu, trái phiếu của Chính phủ hoặc các giấy nhận nợ do các doanh

ng nghiệp phát hành, vì các công cụ đó phản ánh một khối lượng hàng hoá, dịch vụ mới sản xuất ra cần có tiền để chuyển dịch.

Việc bảo đảm bằng giá trị hàng hoá, dịch vụ làm cho việc phát hành giấy bạc gắn với nhu cầu thực tế của lưu thông hàng hoá và thực hiện các giá trị các dịch vụ kinh tế, bảo đảm cho lượng tiền trong lưu thông luôn phù hợp, cân đối với tổng lượng giá trị hàng hoá và dịch vụ được thực hiện trên thị trường.

1.1.1.2. Các kênh phát hành tiền

1.1.1.2.1. Phát hành tiền qua nghiệp vụ tín dụng

Căn cứ vào nhu cầu tín dụng của nền kinh tế, vào lượng tiền cung ứng tăng thêm trong năm kế hoạch, dựa vào mục tiêu của chính sách tiền tệ, nhu cầu vay vốn của các tổ chức tín dụng, Ngân hàng Trung ương cho các tổ chức tín dụng vay ngắn hạn dưới hình thức tái cấp vốn:

- Cho vay có đảm bảo bằng các chứng từ có giá, hoặc hồ sơ tín dụng.
- Chiết khấu, tái chiết khấu các chứng từ có giá v.v...

Ngân hàng Trung ương cho các tổ chức tín dụng vay có thể bằng tiền mặt, hoặc bằng chuyển khoản, làm tăng bộ phận tiền mặt đang lưu thông hoặc làm tăng số dư tiền gửi của các tổ chức tín dụng tại Ngân hàng Trung ương. Số tiền cho vay trở thành các khoản nợ đều được hạch toán vào TK vay của các ngân hàng thương mại tại Ngân hàng Trung ương, kết quả là tăng tiền trung ương (MB). Như vậy, thông qua việc cho các ngân hàng thương mại vay, Ngân hàng Trung ương đã tăng phát hành một khối lượng tiền vào lưu thông; còn khoản tín dụng mà các ngân hàng thương mại nhận được từ Ngân hàng Trung ương trở thành nguồn vốn để giúp các NH đó mở rộng hoạt động đầu tư, cho vay đối với nền kinh tế.

1.1.1.2.2. Phát hành tiền qua kênh chính phủ

Để đáp ứng nhu cầu chi, khi ngân sách lâm vào tình trạng thâm hụt, Ngân hàng Trung ương có thể tạm ứng cho Ngân sách vay ngắn hạn. Khoản tiền cho vay đó được bảo đảm bằng tín phiếu Kho bạc, hoặc có thể không có đảm bảo tùy theo yêu cầu, nhằm bù đắp mất cân đối tạm thời trong thời gian ngắn. Như vậy Ngân hàng Trung ương đã cung ứng một khối lượng tiền cho Ngân sách chi tiêu. Để đảm bảo cho đồng tiền ổn định, về nguyên tắc, Ngân hàng Trung ương không được phát

hành tiền để bù đắp thâm hụt ngân sách, nên khoản tiền tạm ứng này phải được hoàn trả trong năm ngân sách.

1.1.1.2.3. Phát hành tiền thông qua nghiệp vụ thị trường mở

Thông qua nghiệp vụ thị trường mở, Ngân hàng Trung ương mua các chứng từ có giá trên thị trường (các tín phiếu, trái phiếu, các chứng từ có giá ngắn hạn và các giấy tờ có giá trung dài hạn còn thời gian đáo hạn dưới 1 năm), có nghĩa là NHTW đã đưa một khối lượng tiền vào lưu thông. Các chứng từ có giá được NHTW nắm giữ trở thành tài sản Có của NHTW, tương ứng với nó là một sự tăng lên của bên tài sản Nợ hoặc tiền mặt, hoặc tiền dự trữ. Kênh cung ứng tiền này hiện nay đang được sử dụng phổ biến ở các nước có nền kinh tế thị trường phát triển vì mức độ linh hoạt và hiệu quả của nó.

1.1.1.2.4. Phát hành tiền thông qua thị trường hối đoái

Việc Ngân hàng Trung ương thực hiện mua ngoại hối trên thị trường hối đoái cũng là hoạt động phát hành tiền, trong trường hợp NHTƯ mua ngoại tệ, dự trữ ngoại tệ tại NHTƯ tăng. Hoạt động phát hành tiền thông qua kênh thị trường hối đoái không chỉ có ý nghĩa tăng, tiền trung ương, mà còn giúp cho Ngân hàng Trung ương thực hiện được chính sách tỷ giá, ổn định thị trường, sử dụng quỹ dự trữ ngoại hối hiệu quả đem lại nhiều nguồn lợi cho quốc gia.

Tuỳ theo từng điều kiện nhất định mà Ngân hàng Trung ương sử dụng các kênh cung ứng tiền theo các phạm vi rộng, hẹp khác nhau nhằm đạt được các mục tiêu của chính sách tiền tệ.

1.1.2. Nội dung nghiệp vụ phát hành tiền và tổ chức điều hòa tiền mặt :

1.1.2.1.Xác định khối lượng tiền cung ứng tăng thêm hàng năm:

- Ngân hàng Trung ương dự kiến khối lượng tiền phát hành thêm hàng năm, tức là dự kiến mức cầu tiền tăng thêm hàng năm. Lượng tiền cung ứng tăng thêm được xác định theo các bước sau:

- Dự tính sự biến động của tổng lượng tiền cung ứng MS. Các yếu tố ảnh hưởng đến sự biến động lượng tiền cung ứng bao gồm: Mức tăng trưởng kinh tế, tỷ lệ lạm phát, tốc độ lưu thông tiền tệ, các yếu tố khác (dự tính)

+ Công thức tính MS chung như sau:

$$MS = GDP/V$$

Trong đó:

GDP: Tổng sản phẩm quốc nội

V: Vòng quay trung bình của đồng tiền

Hay $\Delta MS = \text{tỷ lệ tăng trưởng dự tính} + \text{tỷ lệ lạm phát}$

Ví dụ: Giả định ta có các số liệu sau: Dự kiến chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế năm 2005 là 9%; Tỷ lệ lạm phát năm 2005% là 7%; lượng tiền cung ứng dự kiến đến cuối năm 2004 là 500 nghìn tỷ.

Tính lượng tiền cung ứng cần phát hành thêm vào lưu thông năm 2005.

Áp dụng công thức tính lượng tiền cung ứng $\Delta MS = \text{tỷ lệ tăng trưởng} + \text{tỷ lệ lạm phát}$

Ta tính được : $\Delta MS = 9\% + 7\% = 16\%$.

Vậy lượng tiền cung ứng cần phát hành thêm năm 2005 là:

$$500 \text{ nghìn tỷ} \times 16\% = 80.000 \text{ tỷ.}$$

+ Xác định MS theo dự báo các chỉ tiêu tiền tệ

$$MS = NFA + NDA$$

Trong đó: NFA: tài sản có ngoại tệ ròng

NDA: tài sản có trong nước ròng

Hay $MS = C + D$

Trong đó: C: tiền mặt ngoài hệ thống ngân hàng

D: tiền gửi tại các ngân hàng thương mại

Tuy nhiên để dự báo MS chính xác cần so sánh các cách tính MS, diễn biến của MS thời kỳ trước, mục tiêu chính sách tiền tệ hàng năm để dự kiến mức tăng MS cho năm tới.

- Dự kiến lượng tiền cung ứng MB tăng thêm hàng năm (lượng tiền trung ương cần tăng thêm dự kiến):

$$\Delta MB = MB \text{ dự kiến (MB kế hoạch)} - MB \text{ thực tế (MBđ - Đầu kỳ).}$$

MBđ = Tiền ngoài NH Nhà nước + tiền gửi của các tổ chức tín dụng tại NHNN (tiền dự trữ của NHNN)

$MS_{đ}$ = Tổng phương tiện thanh toán đầu kỳ kế hoạch (cuối kỳ trước).

MS = Tổng phương tiện thanh toán kỳ kế hoạch.

$MS = MS_{đ} \times (\% \text{ tăng trưởng GDP} + \% \text{ lạm phát} + 1)$

MB dự kiến (kế hoạch) = MS/m (m là hệ số nhân tiền được xác định bằng phương pháp thống kê mô tả và kinh nghiệm thực tiễn).

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hiện nay xác định khối lượng tiền cần tăng thêm theo phương pháp trên và trình Chính phủ phê duyệt. Trên cơ sở đó Ngân hàng Nhà nước thực hiện nhiệm vụ phát hành tiền mặt vào lưu thông.

Ví dụ: Xác định tiền cung ứng tăng thêm năm 2004. Giả thiết các thông tin dữ liệu cho biết:

Tiền dự trữ của NH Nhà nước đến 31/12/2003 là 80.000 tỷ

Tổng phương tiện thanh toán đến 31/12/2003 là 320.000 tỷ

Dự kiến tăng trưởng năm 2004 là 8%

Dự kiến lạm phát năm 2004 là 7%

Hệ số nhân tiền (tạo tiền) dự kiến là 2.

Yêu cầu xác định lượng tiền cung ứng tăng thêm năm 2004.

Áp dụng các công thức trên ta tính:

$MS = 320.000 \text{ tỷ} \times (8\% + 7\% + 1) = 368.000 \text{ tỷ}$

$MB = 368.000 : 2 = 184.000 \text{ tỷ}.$

$\Delta MB = 184.000 \text{ tỷ} - 80.000 \text{ tỷ} = 104.000 \text{ tỷ}$

1.1.2.2. Phát hành tiền mặt vào lưu thông và tổ chức điều hòa

1.1.2.2.1. Phát hành tiền

NHTW căn cứ vào kế hoạch cung ứng tiền tăng thêm hàng năm được Chính phủ phê duyệt, nhu cầu thanh toán bằng tiền mặt của nền kinh tế, nhu cầu thay thế tiền không đủ tiêu chuẩn lưu thông, tiền đình chỉ lưu hành để xác định số lượng và cơ cấu các loại tiền mặt cần phát hành vào lưu thông trong một thời gian nhất định.

Để thực hiện phát hành tiền mặt vào lưu thông, NHTW thực hiện lập hai quỹ, đó là quỹ dự trữ phát hành và quỹ nghiệp vụ phát hành trong hệ thống NHTW để quản lý tiền dự trữ phát hành và thực hiện phát hành tiền mặt.

- Quỹ dự trữ phát hành: là quỹ quản lý bảo quản các loại tiền tại kho tiền trung ương của NHTW và các kho tiền tại chi nhánh NHNN tỉnh, thành phố trực thuộc NHTW. Lượng tiền trong quỹ dự trữ phát hành gồm:

- + Tiền mới in, đúc nhập từ nhà máy in, đúc tiền.
- + Tiền thu hồi từ lưu thông về kể cả tiền không đủ tiêu chuẩn lưu hành, tiền đình chỉ lưu hành được nhập từ quỹ nghiệp vụ phát hành.

Quỹ dự trữ phát hành tại kho tiền TW được nhập tiền mới in, đúc; đồng thời thực hiện việc nhập xuất tiền với quỹ nghiệp vụ phát hành tại sở giao dịch NHTW và các kho tiền tại chi nhánh NHNN tỉnh, thành phố.

Quỹ dự trữ phát hành tại kho tiền chi nhánh NHNN tỉnh, thành phố được xuất nhập tiền với quỹ nghiệp vụ phát hành thuộc chi nhánh quản lý đồng thời xuất, nhập tiền với quỹ dự trữ phát hành tại kho tiền TW và kho tiền các chi nhánh khác.

- Quỹ nghiệp vụ phát hành: Là quỹ quản lý và bảo quản các loại tiền tại kho tiền Sở Giao dịch NHTW và các kho tiền tại các chi nhánh NHNN tỉnh, thành phố. Nguồn hình thành Quỹ nghiệp vụ phát hành bao gồm:

- + Tiền nhập từ quỹ dự trữ phát hành
- + Tiền thu hồi từ lưu thông, kể cả các loại tiền không đủ tiêu chuẩn lưu hành và tiền đình chỉ lưu hành thông qua nghiệp vụ thu tiền mặt từ các tổ chức tín dụng, kho bạc Nhà nước có tài khoản tiền gửi tại Sở giao dịch NHTW và các chi nhánh NHNN tỉnh, thành phố.

1.1.2.2.2. Tổ chức điều hòa trong hệ thống ngân hàng Nhà nước

Tổ chức điều hòa tiền mặt là việc điều hòa tiền mặt từ nơi thừa sang nơi thiếu (bao gồm cả khối lượng, chủng loại tiền) nhằm khắc phục tình trạng mất cân đối cục bộ (khu vực) đáp ứng kịp thời nhu cầu thanh toán chung trong nền kinh tế. Để thực hiện việc điều hòa, NHNN phải dựa vào các thông tin về tiền mặt tồn quỹ, cơ cấu các loại tiền, tình hình thu chi tiền mặt. Sau khi có các thông tin về tình hình tồn quỹ tiền mặt của từng chi nhánh và dự kiến nhu cầu thời gian tới, NH Nhà nước tổ chức điều hòa tiền tệ từ kho tiền NHTW hoặc từ các chi nhánh NH Nhà nước có số dư tiền mặt cao, chưa có nhu cầu sử dụng đến chi nhánh có số dư tiền mặt thấp và dự kiến có nhu cầu sử dụng. Thống đốc NHNN quy định các định mức quỹ dự trữ phát hành, định mức tồn quỹ nghiệp vụ phát hành.

1.1.2.3. Nghiệp vụ tổ chức chế bản, in đúc tiền

- Chế bản in đúc tiền: Việc chế bản in đúc tiền, kể cả in đúc thử hay chính thức, các loại tiền phải được thực hiện một cách tinh xảo, thể hiện đầy đủ nội dung thiết kế mẫu và phù hợp với công nghệ in, đúc tiền của mỗi nhà máy trong từng thời kỳ.

- Tổ chức và quản lý việc in, đúc tiền: Dựa vào kế hoạch in đúc tiền được Chính phủ phê duyệt, NHTW ký hợp đồng với nhà máy in tiền. Trên cơ sở hợp đồng, nhà máy sẽ thực hiện in tiền theo từng loại mệnh giá khác nhau về số lượng, chủng loại tiền để dự trữ chuẩn bị cho lưu thông.

Nhà máy in chịu trách nhiệm toàn bộ nghiệp vụ in tiền theo hợp đồng của NHTW, như: chuẩn bị vật tư, thiết bị, nguyên liệu, phụ liệu phục vụ cho việc in đúc tiền; lập hồ sơ theo dõi lý lịch từng loại tiền in, đúc theo quy định; hạch toán chính xác kịp thời việc in, đúc tiền theo quy định của pháp luật về kế toán thống kê; bảo quản theo dõi riêng các loại sản phẩm in, đúc hỏng, không đúng quy cách để tiêu huỷ theo quy định.

Nhà máy phải đảm bảo chất lượng tiền in, đúc ổn định theo các thông số kỹ thuật của mỗi loại tiền đã được cấp thẩm quyền phê duyệt, chịu trách nhiệm về số lượng các loại tiền đã in, đúc. Tiền thành phẩm khi giao cho Ngân hàng Nhà nước phải được đóng gói thống nhất theo quy định¹

Hàng năm, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước có trách nhiệm báo cáo Thủ tướng Chính phủ, đồng thời gửi Bộ Tài chính, Bộ Công an về kết quả in đúc tiền. Ngân hàng Nhà nước chịu trách nhiệm ban hành các quy chế liên quan đến quá trình in đúc tiền. Bộ Tài chính có trách nhiệm kiểm tra chứng từ, sổ sách, việc hạch toán của Ngân hàng Nhà nước về số lượng, giá trị theo mệnh giá các loại tiền in, đúc. Hàng năm Ngân hàng Nhà nước chủ trì phối hợp với Bộ Công an xây dựng các quy chế và trực tiếp giám sát quá trình in, đúc tiền tại các nhà máy in tiền .

1.1.2.4. Bảo quản tiền, tài sản quý và các giấy tờ có giá

+ Trách nhiệm bảo quản tiền, tài sản quý và giấy tờ có giá:

¹ Quy định về đóng gói, niêm phong tiền mặt, tài sản quý, giấy tờ có giá có Phụ lục đính kèm

- Tiền mới in, đúc chưa giao cho NHTW mà do các nhà máy in, đúc chịu trách nhiệm bảo quản tại kho tiền của mình theo quy chế ban hành.

- Tiền chưa công bố lưu hành, tiền đang lưu hành (kể cả tiền không đủ tiêu chuẩn lưu thông), tiền đình chỉ lưu hành, tiền mẫu, tiền lưu niệm, tài sản quý, các giấy tờ có giá do NHTW chịu trách nhiệm bảo quản.

- Tiền, tài sản quý, giấy tờ có giá thuộc tài sản của các tổ chức tín dụng do các tổ chức tín dụng chịu trách nhiệm bảo quản theo quy định của Thống đốc NHTW. Tất cả các tổ chức được giao nhiệm vụ quản lý bảo quản tiền đều phải có trách nhiệm đảm bảo an toàn cho toàn bộ số tiền, và tài sản do mình quản lý.

+ *Xây dựng và quản lý kho tiền:*

Kho tiền là các kho của ngân hàng, được dùng để bảo quản tiền, tài sản quý và các giấy tờ có giá. Một kho tiền gồm có: gian kho, gian đệm, hành lang bảo vệ kho, nơi giao dịch để giao nhận tiền và tài sản quý, phòng kiểm đếm, đóng gói, tuyển chọn phân loại tiền, phòng quản lý thiết bị an toàn, các hệ thống thiết bị an toàn và các phương tiện kỹ thuật khác ..v..v...

Kho tiền có cấu trúc đặc biệt, được xây dựng kiên cố, có trang bị các hệ thống thiết bị, phương tiện kỹ thuật hiện đại phục vụ cho hoạt động kho quỹ. Kho tiền phải đảm bảo an toàn tuyệt đối cho tiền và các tài sản bảo quản trong kho, vì thế phải có diện tích sử dụng hợp lý, đồng thời phải có các khu vực liên quan để đảm bảo đáp ứng được yêu cầu bảo quản tiền và tài sản. Kho tiền có cấu trúc riêng theo quy định, có hệ thống các loại cửa, có quầy giao dịch, phòng kiểm đếm theo tiêu chuẩn, có hệ thống điện, thông gió hút ẩm, hút bụi, hệ thống báo cháy tự động và có các thiết bị chữa cháy, các thiết bị phát hiện đột nhập, có camera quan sát, máy ghi hình, băng hình, màn hình theo dõi v.v.

Thống đốc NHTW ban hành các quy định tiêu chuẩn kỹ thuật kho tiền, chế độ quản lý kho tiền, và dịch vụ bảo quản tài sản trong hệ thống ngân hàng.

NHTW được phép xây dựng các kho tiền trung ương và các kho tiền đặt tại chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố để bảo quản tiền tài sản quý và các giấy tờ có giá do mình quản lý; các nhà máy in đúc tiền. Các tổ chức tín dụng được

xây dựng hệ thống kho tiền để bảo quản tiền, tài sản quý và các giấy tờ có giá trong phạm vi quản lý của đơn vị mình.

+ Bảo vệ kho tiền

Bộ Công an có trách nhiệm bảo vệ các nhà máy in, đúc tiền; các kho tiền trung ương và các kho tiền đặt tại các chi nhánh NHTW. Ủy ban nhân dân các cấp nơi có kho tiền thuộc hệ thống ngân hàng có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi cho việc bảo vệ an toàn kho tiền.

1.1.2.5. Vận chuyển tiền, tài sản quý và giấy tờ có giá

+ Phạm vi, trách nhiệm tổ chức vận chuyển tiền

NHTW chịu trách nhiệm tổ chức việc vận chuyển tiền, tài sản quý và các giấy tờ có giá do mình quản lý trong phạm vi từ nhà máy in đúc tiền, từ sân bay, bến cảng, nhà ga về kho tiền trung ương và ngược lại, giữa các kho tiền trung ương, kho tiền trung ương với các kho tiền chi nhánh NHTW và giữa các kho tiền chi nhánh NHTW/

Các tổ chức tín dụng chịu trách nhiệm tổ chức vận chuyển tiền, tài sản quý và giấy tờ có giá thuộc tài sản do mình quản lý giữa các đơn vị trong cùng hệ thống và giữa các tổ chức tín dụng với NHNN.

+ *Phương tiện vận chuyển*: NHTW thành lập các đội xe được trang bị xe chuyên dùng và các phương tiện kỹ thuật cần thiết làm nhiệm vụ vận chuyển tiền, tài sản quý và các giấy tờ có giá.

+ *Nguyên tắc vận chuyển tiền, tài sản quý, giấy tờ có giá trong hệ thống ngân hàng và các tổ chức tín dụng*: Phải có lệnh điều chuyển tiền của cấp có thẩm quyền, vận chuyển bằng xe chuyên dùng, hoặc phương tiện vận chuyển chuyên dùng, bố trí đủ nhân lực áp tải, bảo vệ trong các chuyến vận chuyển. Hành trình vận chuyển phải được giữ bí mật. Thống đốc NHTW ban hành các quy định cụ thể về tiêu chuẩn xe vận chuyển và quy trình vận chuyển.

+ *Bảo vệ trong quá trình vận chuyển*: Khi NHTW yêu cầu, Bộ Công an có trách nhiệm tổ chức lực lượng bảo vệ vận chuyển tiền, tài sản quý, giấy tờ có giá. Nghiêm cấm các trạm kiểm soát khám xét xe chở tiền, trừ trường hợp đặc biệt có quy định của pháp luật. Chỉ có cơ quan có thẩm quyền được phép cấp giấy phép ưu tiên cho các phương tiện vận chuyển tiền, tài sản quý, giấy tờ có giá trong mọi điều

kiện. Chính quyền các cấp trên địa bàn có trách nhiệm phối hợp với NHTW, các tổ chức tín dụng xử lý kịp thời những sự cố xảy ra trong vận chuyển tiền tài sản quý, giấy tờ có giá trên địa bàn khi được thông báo.

1.1.2.6. Thu hồi, thay thế tiền

NHTW tổ chức thường xuyên việc đổi tiền rách nát hư hỏng theo quy định, đồng thời tuyên truyền, hướng dẫn nhân dân về ý thức giữ gìn bảo vệ đồng tiền, phát hiện và ngăn chặn các hành vi bị nghiêm cấm như làm tiền giả, vận chuyển, tàng trữ lưu hành tiền giả, huỷ hoại tiền, từ chối nhận lưu hành đồng tiền do NHTW phát hành.

NHTW công bố công khai và quy định cụ thể tiêu chuẩn phân loại tiền rách nát, hư hỏng không đủ tiêu chuẩn lưu thông để tiến hành thu hồi. Các loại tiền rách nát, hư hỏng do quá trình lưu thông thì được đổi không hạn chế số lượng, không phân biệt nơi cư trú, không mất phí, không yêu cầu thủ tục gì khác. Những đồng tiền rách nát, hư hỏng do hành vi phá hoại thì không được đổi. Tiền rách nát hư hỏng do chủ quan như mối xông, cháy, tiền rách nát hư hỏng do viết, vẽ, cắt xé hoặc làm biến dạng, nếu xét thấy không do hành vi huỷ hoại thì được xét đổi, người có tiền đổi phải làm đơn trình bày rõ lý do để NHTW, tổ chức tín dụng, Kho bạc Nhà nước xét đổi theo quy định và phải nộp lệ phí (mức nộp theo quy định về phí và lệ phí của NHTW). Nếu nghi ngờ có hành vi huỷ hoại, thì NHTW, các tổ chức tín dụng, Kho bạc Nhà nước tạm thu giữ và phối hợp với cơ quan công an điều tra, xử lý theo quy định của pháp luật

Sở Giao dịch và chi nhánh NHNN các tổ chức tín dụng, Kho bạc thực hiện thu tiền rách, đổi tiền lành cho các tổ chức và cá nhân.

Khi có quyết định của Chính phủ về thu hồi tiền đình chỉ lưu hành, công bố lưu hành tiền mới, thay thế một phần hay toàn bộ các loại tiền đang lưu hành thì NHTW có trách nhiệm thông báo rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng về chủ trương, thủ tục, thời gian thu hồi các loại tiền đình chỉ lưu hành; thời gian phát hành tiền mới; đặc điểm loại tiền mới phát hành như mệnh giá, màu sắc, kích thước, trọng lượng của từng loại tiền mới phát hành kèm theo mẫu tiền; tỷ lệ đổi tiền mới so với tiền đình chỉ lưu hành, nếu có .

1.1.2.7. Tiêu huỷ tiền

Hàng năm hoặc từng thời kỳ, căn cứ tồn kho các loại tiền tiền giấy, tiền kim loại không đủ tiêu chuẩn lưu thông theo quy định của NHTW, các loại tiền đã đình chỉ lưu hành, Thống đốc NHTW quyết định số lượng, giá trị của từng loại tiền tiêu huỷ và thời gian tiêu huỷ. Thống đốc NHTW ban hành quy chế tiêu huỷ tiền; thành lập bộ máy chuyên trách để tổ chức tiêu huỷ tiền; thời gian tiêu huỷ tiền. Việc huỷ tiền chỉ được thực hiện tại các kho tiền trung ương của NHTW. Quá trình thực hiện tiêu huỷ tiền được kiểm soát chặt chẽ về số lượng tiền, chủng loại tiền, tình trạng tiền tiêu huỷ.

Tiền được tiêu huỷ bao gồm: các loại tiền giấy, tiền kim loại không đủ tiêu chuẩn lưu thông theo quy định; các loại tiền đã đình chỉ lưu hành. Tiền tiêu huỷ phải trở thành phế liệu và không thể phục hồi để sử dụng dưới bất cứ hình thức nào. NHTW thực hiện hạch toán đầy đủ chính xác toàn bộ tiêu huỷ tiền theo quy định

Việc tiêu huỷ tiền được thực hiện với sự giám sát của Bộ Tài chính, Bộ Công an theo quy định của Chính phủ. Cơ quan giám sát được quyền cử đại diện giám sát quá trình tiêu huỷ tiền, đồng thời phải xác nhận kết quả tiền tiêu huỷ của NHTW. Bộ Tài chính tiến hành kiểm tra chứng từ, sổ sách hạch toán các chi phí liên quan đến quá trình tiêu huỷ tiền, tiền thu phế liệu sau khi tiêu huỷ của NHTW. NHTW phải có trách nhiệm báo cáo Chính phủ, Bộ Tài chính, Bộ Công an về kết quả tiêu huỷ tiền. Mọi vi phạm trong lĩnh vực tiêu huỷ tiền đều bị xử lý theo quy định của pháp luật.

1.2. NGHIỆP VỤ QUẢN LÝ NGOẠI HỐI

1.2.1. Khái niệm về ngoại hối

Tất cả các phương tiện dùng trong thanh toán quốc tế được gọi là ngoại hối. Ngoại hối bao gồm: đồng tiền của quốc gia khác hoặc đồng tiền chung châu Âu và đồng tiền chung khác được sử dụng trong thanh toán quốc tế và khu vực; phương tiện thanh toán bằng ngoại tệ, gồm séc, thẻ thanh toán, hối phiếu đòi nợ, hối phiếu nhận nợ và các phương tiện thanh toán khác; các loại giấy tờ có giá bằng ngoại tệ, gồm trái phiếu chính phủ, trái phiếu công ty, cổ phiếu và các loại giấy tờ có giá khác; vàng thuộc dự trữ ngoại

hối nhà nước, trên tài khoản ở nước ngoài của người cư trú, vàng dưới dạng khối, thỏi, hạt, miếng trong trường hợp mang vào và mang ra khỏi lãnh thổ Việt Nam; đồng tiền nội tệ trong trường hợp chuyển vào và chuyển ra khỏi lãnh thổ Việt Nam hoặc được sử dụng trong thanh toán quốc tế.

1.2.2. Hoạt động và chính sách quản lý ngoại hối của NHTW:

1.2.2.1. Hoạt động ngoại hối của NHTW:

Để thực thi chính sách ngoại hối, chính sách tiền tệ quốc gia, NHTW đã sử dụng thị trường ngoại hối như là công cụ điều tiết nền kinh tế theo các mục tiêu chính sách của chính phủ, thông qua các hoạt động giao dịch ngoại hối để tác động, can thiệp. Vì thị trường ngoại hối thể hiện và xác định quan hệ cung cầu về ngoại tệ, tỷ giá hối đoái và lãi suất của các loại ngoại tệ. Các hoạt động đó là:

- Giao dịch ngoại hối trên thị trường trong nước:

+ NHTW mua, bán ngoại hối trên thị trường trong nước nhằm các mục đích như điều tiết tỉ giá hay vì mục tiêu ngắn hạn của chính sách tiền tệ. Việc NHTW hoạt động giao dịch trên thị trường này sẽ tác động làm thay đổi đến lượng tiền cơ sở (MB). Do đó ảnh hưởng đến mục tiêu kiểm soát điều kiện tiền tệ của NHTW tại thời điểm đó. Lẽ đó NHTW phải tính toán, phải dự báo cẩn trọng, chính xác trước khi giao dịch mua bán ngoại tệ.

- Giao dịch ngoại hối trên thị trường quốc tế:

NHTW có thể thực hiện các giao dịch ngoại hối trên thị trường quốc tế như:

+ Gửi ngoại hối tại NHTW, NHTM quốc tế: thực hiện nghiệp vụ này NHTW phải tính toán gửi ở ngân hàng nào, quốc gia nào để rủi ro thấp mà có lãi cao.

+ Kinh doanh chứng khoán: NHTW có thể nắm giữ các trái phiếu để kiếm lời.

+ Ủy thác đầu tư: NHTW thực hiện ủy thác đầu tư về một số lượng ngoại hối cho nhà quản lý đầu tư quốc tế để thu lợi nhuận.

+ Thực hiện các giao dịch kinh doanh như:

+ Giao dịch trao ngay (Spot); Giao dịch kỳ hạn (Forward); Giao dịch hoán đổi (Swap); Giao dịch sau (Future); Giao dịch hợp đồng quyền chọn.